

Bản án số: 01/2023/DS-PT

Ngày 03/01/2023

V/v Tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Đặng Minh Trung

Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 327/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 249/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 302/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Cẩm L, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, thành phố C, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Tuyết X, sinh năm 1978 (có mặt), ông Lê Quốc T2, sinh năm 1977 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1959 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, thành phố C, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T1: Bà Lê Kim P, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Xóm Lớn, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Tuyết X, sinh năm 1978 (có mặt).

- Ông Lê Quốc T2, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, thành phố C, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị T1 – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn, bà Lê Thị Cẩm L trình bày:* Ngày 15/6/2019 bà Nguyễn Thị T1 làm chủ hội đã mở 04 dây hội, loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, mỗi dây hội gồm có 34 chung, khai hội vào ngày 15 và giao tiền hội cho người hốt hội vào ngày 20 hàng tháng. Theo bà T1 quy định nếu người nào tham gia hội từ 03 chung trở lên thì không được hốt hết mà phải dẫn lại 01 chung đảm bảo. Bà L đã tham gia 03 chung hội, ông Thương và bà X tham gia 04 chung hội. Do bà đi làm ở Bình Dương nên không trực tiếp tham gia khai hội mà nhờ vợ chồng ông T1 và bà X đi khai hội, đóng tiền hội, hốt hội và nhận tiền hội từ bà, hàng tháng bà gửi tiền về đóng hội. Bà đã hốt 01 chung hội ở dây thứ 01 và 01 chung hội ở dây thứ 03, riêng chung hội ở dây thứ 02 bà không được hốt vì phải dẫn lại theo quy định nhưng do cần tiền nên bà có mượn 01 chung hội của vợ chồng ông T1 và bà X hốt, hàng tháng bà vẫn gửi đủ 03 triệu cho vợ chồng ông T1 và bà X đóng hội chết. Về mặt thực tế thì bà hốt 03 chung (02 chung của bà và 01 chung mượn của vợ chồng ông T1 và bà X). Đến lần khai hội vào tháng 3/2022, bà X đi khai hội và đóng hội cho bà thì phát hiện tên bà ở dây hội thứ 02 bị gạch tên. Bà X hỏi thì bà T1 nói gạch nhầm. Mấy hôm sau thì bà T1 nói bà đã hốt hết 03 chung hội ở 03 dây hội. Bà xác định, chỉ có hốt 02 chung hội và 01 chung mượn của vợ chồng ông T1 và bà X để hốt, bà còn 01 chung ở dây hội thứ 02 chưa hốt. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà T1 trả tiền hội của chung hội còn sống là 33.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng và 02 chung hội đã hốt trước đó bà còn nợ lại tiền hội chết kỳ cuối 2.000.000 đồng, đối trừ bà L yêu cầu vợ chồng bà T1 và ông H trả 30.500.000 đồng.

- *Bị đơn, bà Nguyễn Thị T1 trình bày:* Ngày 15/6/2019 dương lịch, bà có mở 04 dây hội, loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, hội khai ngày 15 hàng tháng. Bà L tham gia 03 chung hội của 03 dây hội (dây 01, dây 02 và dây 03), mỗi dây gồm 34 chung. Cả 03 dây hội có bà L tham gia đều mãn hội vào tháng 3/2022 nhưng do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh bà đã ngừng khai 02 tháng nên 03 dây hội này đã mãn vào tháng 5/2022. Chung hội của bà L ở dây thứ 01 và dây thứ 03 thì bà L đã hốt xong, bà đã giao đủ tiền, bà L đã đóng hội chết còn nợ lại bà 1 kỳ hội chết của hai chung hội bà L đã hốt là 2.000.000 đồng. Chung hội của dây thứ 02, bà L tiếp tục bỏ hội để hốt hội vào khoảng kỳ thứ 05 hoặc thứ 06 (bà không nhớ rõ), nhưng ngay từ khi mở hội có quy định nếu một người tham gia từ 03 chung hội trở lên thì được hốt 02 chung, còn 01 chung thì phải dẫn lại để đảm bảo cho việc đóng hội chết của các chung hội đã hốt, nhưng do có mối quan hệ bà con với nhau nên bà X mới thỏa thuận với bà là lấy chung hội của ông Lê Quốc T2 (là chồng của bà X) hốt để đổi qua chung hội này của bà L, để giao tiền hội cho bà L. Bà đồng ý, và đã giao tiền hội cho bà L do bà X nhận thay, số tiền hội đã giao bao nhiêu thì bà không nhớ và không nhớ thời gian bà L hốt hội. Còn chung hội của bà L trên giấy tờ thì bà X đã hốt hội vào kỳ thứ 29 ngày 15/12/2021. Đã qua, bà L vẫn đóng một chung hội sống đến kỳ thứ 34 thì bà phát hiện số tiền bà L đóng hàng tháng không phải hội chết nên bà có điện thoại hỏi bà L là “đã hốt hội rồi sao không đóng hội chết mà đóng hội sống” thì bà L nói rằng chung hội này bà L chưa hốt, từ đó phát sinh tranh chấp đến nay. Số tiền bà L đóng hội sau khi hốt hội được đối trừ thì bà L còn nợ bà 950.000 đồng cộng với 3 kỳ hội chết cuối

cùng của 3 chung hụi bà L còn nợ 3.000.000 đồng, tổng cộng bà L còn nợ bà số tiền hụi chết 3.950.000 đồng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Tuyết X và ông Lê Quốc T2 trình bày:* Vợ chồng ông bà có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị T1 làm chủ. Hụi khai ngày 15/6/2019 dương lịch, gồm 04 dây hụi, mỗi dây có 34 chung, ông bà tham gia 04 chung của 04 dây hụi này (mỗi dây 01 chung). Ngày 15/12/2019 vợ chồng ông bà lấy chung hụi đầu tiên cho bà L mượn để hốt, lý do là bà L cũng có tham 03 chung hụi trong các dây hụi này của bà T1 làm chủ, khi chơi hụi thì có quy định nếu một người tham gia từ 03 chung hụi trở lên thì được hốt 02 chung, còn 01 chung thì phải dẫn lại để đảm bảo cho việc đóng hụi chết của các chung hụi đã hốt và do có quan hệ bà con nên vợ chồng ông bà với bà L và bà T1 thỏa thuận thống nhất lấy chung hụi này của ông bà cho bà L mượn để hốt. Còn chung hụi của bà L trên giấy tờ thì vẫn còn sống. Tiếp đến ngày 19/12/2019 ông bà hốt 01 chung, ngày 15/10/2021 hốt 01 chung, ngày 15/12/2021 hốt 01 chung (không nhớ dây nào). Cả 04 dây hụi đã mãn hụi vào tháng 5/2022. Trên thực tế cả 04 chung hụi này của ông bà đã hốt xong. Bà T1 cho rằng chung hụi của bà L trên giấy tờ còn sống thì ông bà đã hốt hụi vào kỳ thứ 29 là không đúng. Ông bà xác định không có hốt chung hụi này như bà T1 trình bày. Cả 04 chung hụi này của ông bà đã đóng hụi chết cho bà T1 còn nợ lại 01 kỳ cuối với tổng số tiền 4.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 249/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm L. Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Văn H cùng có trách nhiệm trả cho bà L số tiền nợ hụi 30.500.000 đồng (*Ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/10/2022 bị đơn là bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Văn H có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông H và bà P là người đại diện theo ủy của bà T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và tranh luận cho rằng bà L đã hốt hết 3 chân hụi và đã được bà T1 giao tiền hụi cho bà X và ông T1ảng nên không còn nợ tiền hụi của bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Văn H, Hội đồng

xét xử xét thấy:

Bà T1 và ông H thừa nhận bà L tham gia 3 chung hụi, mỗi chung hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 1 lần, mỗi dây hụi có 34 chung bà L tham gia 3 chung hụi ở 3 dây hụi do bà T1 làm chủ hụi khui ngày 15/6/2019. Bà L cho rằng đã hốt hai chung hụi được bà T1 giao đủ tiền và đã nộp hụi chết cho bà T1 đến lần thứ 33 được bà T1 thừa nhận. Còn lại 01 chung hụi sống của bà L chưa hốt và đã nộp hụi sống cho bà T1 đến kì khui hụi thứ 33 được bà T1 thừa nhận. Bà T1 cho rằng bà L đã hốt chung hụi này vào kì khui hụi thứ 29 ngày 15/12/20121 do vợ chồng ông T1ảng và bà X bỏ thăm và hốt thay bà L nhưng không được ông T1ảng và bà L thừa nhận. Như vậy bà T1 cho rằng bà L đã hốt hụi và được bà giao hụi cho ông Thảng và bà X nhưng bà T1 không có chứng cứ chứng minh bà T1 đã giao tiền hụi trong khi đó bà T1 và người đại diện theo ủy quyền của bà T1 và ông H tại phiên tòa cũng thừa nhận bà L đã nộp hụi sống cho bà T1 đến kì thứ 33. Do đó bà T1 cho rằng bà L đã hốt hụi ở kì khui hụi thứ 29 nhưng do không nhớ nên bà T1 đã thu tiền hụi chết của bà L đến kì khui hụi thứ 33 là không có cơ sở.

Do đó bà L yêu cầu bà T1 phải trả cho bà L số tiền hụi của chung hụi chưa hốt do bà L đã nộp hụi sống đến kì thứ 33 là 33.000.000 đồng, bà L đồng ý trừ cho bà T1 500.000 đồng tiền hoa hồng và trừ số tiền bà L còn nợ bà T1 2.000.000 đồng tiền hụi chết chưa nộp của hai chung hụi đã hốt. Tổng công bà L yêu cầu bà T1 và ông H trả 30.500.000 đồng là có cơ sở. Bản án sơ thẩm buộc bà T1 và ông H trả cho bà L 30.500.000 đồng là phù hợp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P là người đại diện theo ủy quyền của bà T1 không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, ông H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà T1 đã giao tiền hụi cho bà L do bà L đã hốt hụi, các chứng cứ do bà T1 cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm cũng đều có nội dung như các chứng cứ do bà T1 cung cấp tại hồ sơ, thể hiện những người chơi hụi chỉ nghe bà T1 nói bà X hốt hụi cho bà T1 ở kì khui hụi thứ 29, trong khi đó bà T1 thu tiền hụi sống của bà L đến kì thứ 33, vì vậy không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1 và ông H.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn H là người cao tuổi nên được miễn án phí. Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu ½ án phí dân sự có giá ngạch là 762.500 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn H được miễn, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Văn H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 249/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm L. Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Văn H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền nợ hụi là 30.500.000 đồng (*Ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Cẩm L không phải chịu. Ngày 01/7/2022 bà L có nộp tạm ứng án phí là 763.000 đồng theo biên lai số 0001656 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại. Ông Lê Văn H được miễn án phí. Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu là 762.500 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000 đồng, ngày 03 tháng 10 năm 2022 bà Nguyễn Thị T1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002005 được chuyển thu. Ông Lê Văn H được miễn nộp, ông H có dự nộp 300.000 theo biên lai số và 0002006 ngày 03/10/2022 được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi Cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan

